

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ gạo hỗ trợ học sinh
trên địa bàn tỉnh Nghệ An, học kỳ II năm học 2023-2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ Chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và các trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định khoảng cách, địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 295/QĐ-BTC ngày 23/02/2024 của Bộ Tài chính và Quyết định số 117/QĐ-TCDT ngày 27/02/2024 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 432/TTr-SGD&ĐT ngày 05/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng Gạo cấp cho học sinh, học kỳ II, năm học 2023-2024 cụ thể:

- Số tháng được hưởng học kỳ II, năm học 2023-2024: 05 tháng.
- Số gạo còn thừa của học kỳ I năm học 2023-2024 chuyển sang: 30.694 kg (ba mươi nghìn sáu trăm chín mươi tư kilôgam).
- Tổng số đối tượng học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ gạo theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ là: 23.978 em.
- Tổng số số gạo phân bổ hỗ trợ học kỳ II, năm học 2023-2024 cho học sinh tại các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An là: 1.767.656 kg (một triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi sáu kilôgam), được cấp thành 2 đợt:

1. Đợt 1: Cấp trước ngày 23/3/2024, số lượng gạo của tháng 01 đến tháng 3 năm 2024 là: 1.019.505 (một triệu không trăm mười chín nghìn năm trăm linh năm kilôgam);

2. Đợt 2: Cấp trước ngày 20/4/2024, số lượng gạo của tháng 4, tháng 5 năm 2024 là: 748.151 kg (bảy trăm bốn mươi tám nghìn một trăm năm mươi mốt kilôgam).

(Có danh sách phân bổ kèm theo)

Điều 2.

1. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghệ Tĩnh tổ chức vận chuyển, giao gạo trực tiếp cho UBND các huyện, thị xã theo danh sách tại Điều 1, bảo đảm chất lượng, kịp thời, đầy đủ.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã liên quan:

- Phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghệ Tĩnh tổ chức tiếp nhận, cấp phát gạo cho các trường học trên địa bàn đảm bảo kịp thời, tiện lợi và tiết kiệm chi phí vận chuyển.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tiếp nhận, cấp gạo kịp thời, đúng đối tượng học sinh được hỗ trợ.

3. Kinh phí thực hiện việc xuất kho, vận chuyển, giao nhận gạo hỗ trợ cho học sinh được thực hiện theo quy định hiện hành; UBND các huyện, thị xã chủ động trích ngân sách địa phương để vận chuyển gạo cho học sinh, sau đó tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc tỉnh, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghệ Tĩnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Tổng cục Dự trữ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, Đứ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long

DANH SÁCH

Phân bổ gạo hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 525 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2024)

TT	Đơn vị	Tổng số học sinh thuộc đối tượng thụ hưởng	Nhu cầu gạo hỗ trợ học kỳ II năm học 2023-2024 (kg)	Số gạo học kỳ I năm học 2023-2024 phân bổ còn thừa (+), thiếu (-)	Tổng nhu cầu gạo đề nghị phân bổ của học kỳ II năm học 2023-2024 (5 tháng)	Đề nghị phân bổ	
						Đợt 1	Đợt 2
						Số gạo hỗ trợ tháng 01, 02, 03 năm 2024 (kg)	Số gạo hỗ trợ tháng 04, 05 năm 2024 (kg)
A	B	(1)	(2)=(1)x15x4	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)	(6)=(4)-(5)
1	Huyện Kỳ Sơn	8.677	650.775	12.794	637.981	339.830	298.151
2	Huyện Tương Dương	4.381	328.575	8.820	319.755	189.755	130.000
3	Huyện Con Cuông	2.355	176.625	1.190	175.435	105.435	70.000
4	Huyện Anh Sơn	21	1.575		1.575	1.575	
5	Huyện Tân Kỳ	24	1.800		1.800	1.800	
6	Huyện Thanh Chương	747	56.025	510	55.515	30.515	25.000
7	Huyện Đô Lương (tại trường THPT Đô Lương 1)	1	75		75	75	
8	Huyện Quỳnh Lưu (tại trường THPT Quỳnh Lưu 4)	8	600		600	600	
9	Huyện Nghĩa Đàn	380	28.500	120	28.380	28.380	
10	Thị xã Thái Hòa (tại trường THPT Đông Hiếu, Tây Hiếu)	13	975		975	975	
11	Huyện Quỳnh Hợp	2.670	200.250	580	199.670	119.670	80.000
12	Huyện Quỳnh Châu	1.757	131.775	1.980	129.795	74.795	55.000
13	Huyện Quế Phong	2.944	220.800	4.700	216.100	126.100	90.000
Tổng cộng		23.978	1.798.350	30.694	1.767.656	1.019.505	748.151